

Số: /BC-CTK

Cần Thơ, ngày tháng 11 năm 2023

## BÁO CÁO

### Tình hình kinh tế - xã hội tháng Mười Một và 11 tháng năm 2023

#### 1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Lúa thu đông 2023 thu hoạch với năng suất, giá bán cao và dịch bệnh không xảy ra nên thu nhập của người trồng lúa tăng hơn so cùng kỳ năm trước; tháng 11/2023 bà con nông dân tập trung vệ sinh đồng ruộng xuống giống vụ đông xuân 2023-2024 (tập trung xuống giống con nước mùng 10 và 25/10 âm lịch); mực nước vẫn còn cao nên diện tích hoa màu thấp so cùng kỳ; các nhà vườn tập trung chăm sóc cây ăn quả, hoa kiểng phục vụ thị trường Tết năm 2024; giá heo tăng trở lại, giá gia cầm ổn định; giá cá tra nguyên liệu không tăng đã ảnh hưởng đến sản xuất, thu nhập của người nuôi.

##### a) Nông nghiệp

Tính đến ngày 15/11/2023 đã thu hoạch dứt điểm lúa thu đông 2023 và xuống giống được 65 ha lúa đông xuân 2023-2024. Giá phân bón hiện nay không tăng so với đầu năm do chưa đến thời điểm bón phân<sup>1</sup>, giá lúa tiếp tục tăng, nhất là lúa vụ thu đông 2023 dẫn đến thu nhập của người trồng lúa tăng so cùng kỳ; sản xuất cây ăn quả chủ lực tiếp tục phát triển theo vùng chuyên canh tập trung; giá thịt hơi heo đã có lãi cho người nuôi.

##### - Trồng trọt

Cây lúa: Tổng diện tích đã xuống giống năm 2023<sup>2</sup> được 216.215 ha, giảm 0,18%, sản lượng lúa ước tính 1.362.321 tấn, giảm 0,32% so cùng kỳ; tỷ lệ sử dụng giống lúa chất lượng cao và các giống thơm đặc sản trên 90%, tuy sản lượng giảm nhưng thu nhập người trồng lúa tăng so cùng kỳ do giá bán tăng, nhất là vụ thu đông 2023.

Lúa thu đông 2023 đã thu hoạch 68.231 ha, năng suất thu hoạch sơ bộ 55,20 tạ/ha tăng 0,15% với sản lượng 376.633 tấn, tăng 2,24% so cùng kỳ năm trước. Trong vụ thu đông, thu nhập của người sản xuất lúa tăng trên 15% so cùng kỳ do, nông dân đã áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất; sử dụng các giống lúa có chất lượng cao và các giống thơm đặc sản, nhất là sử dụng giống cấp xác nhận, giảm mật độ gieo sạ và ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất và bảo vệ môi trường<sup>3</sup>.

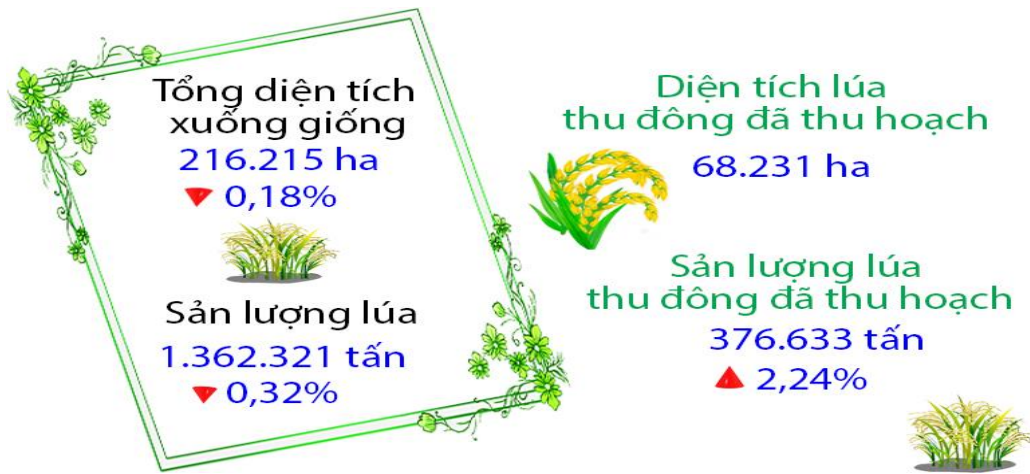
<sup>1</sup> Phân Urea Phú Mỹ 560-600 ngàn đồng/bao, NPK 20-20-15 Đầu Trâu 850-900 ngàn đồng/bao, DAP xanh 970-1.170 ngàn đồng/bao, Kali Canada 600-690 ngàn đồng/bao.

<sup>2</sup> Theo quy định diện tích, sản lượng cây hàng năm trong năm báo cáo được tính từ 01/11 năm trước đến 30/10 năm báo cáo.

<sup>3</sup> Giống OM5451 chiếm tỷ lệ 67% giảm 9% so với vụ Thu Đông 2022. -Giống OM18 chiếm tỷ lệ 10% tăng 2% so với vụ Thu Đông 2022. - Giống Đài thơm 8 chiếm tỷ lệ 3% tăng 1% so với vụ Thu Đông 2022. - Giống

Lúa đông xuân 2023-2024 xuống giống được 65 ha.

**Hình 1. Diện tích, sản lượng lúa (tính đến ngày 15/11/2023 so với cùng kỳ)**



*Cây hàng năm khác:* Tính đến ngày 15/11 đã xuống giống 63 ha rau, màu, đậu các loại thấp hơn 260 ha so với cùng kỳ năm trước do mực nước lũ còn cao, dự kiến diện tích sẽ tăng vào cuối tháng 11/2023. Trong đó, cây bắp đã gieo trồng 6 ha, cây rau các loại 49 ha, đậu các loại 4 ha và cây màu khác 4 ha và giảm lần lượt 10 ha, 163 ha, 9 ha, 24 ha so cùng kỳ năm trước. Giá bán các loại rau màu hiện nay tăng so tháng trước<sup>4</sup>.

Sơ bộ năm 2023, diện tích gieo trồng rau, màu, đậu các loại và cây công nghiệp ngắn ngày 15.512 ha, giảm 10,81% so cùng kỳ. Trong đó, cây bắp gieo trồng được 989 ha, giảm 4,42%; cây rau, đậu các loại gieo trồng được 13.106 ha, giảm 9,74%; cây màu khác 1.417 ha, giảm 22,89% so với cùng kỳ năm trước.

*Cây lâu năm:* Tổng diện tích cây lâu năm ước đạt 26.421 ha, tăng 1,73% hay 449 ha so cùng kỳ 2022. Trong đó, diện tích cây ăn quả 25.092 ha, tăng 498 ha hay 2,02% và chiếm tỷ trọng 94,97% trong tổng diện tích cây lâu năm, tăng 0,28 điểm phần trăm so cùng kỳ năm trước (11 tháng/2022 chiếm 94,69%). Ngành Nông nghiệp tiếp tục hướng dẫn, vận động nông dân xây dựng vùng chuyên canh cây ăn trái chất lượng cao, phát triển mã vùng trồng; xây dựng và phát triển thương hiệu trái cây Cần Thơ trên thị trường xuất khẩu và nội địa gắn với phát triển du lịch sinh thái.

Trong tháng 11/2023, dịch bệnh có xảy ra trên một số cây trồng (bệnh rệp sáp, ruồi đục trái,...), tuy nhiên đã được kiểm soát, xử lý bằng các giải pháp kỹ thuật kịp thời nên đã không chế sự bùng phát trên diện rộng.

OM380 chiếm tỷ lệ 9% tăng 2% so với vụ Thu Đông 2022. - Các giống còn lại chiếm 11%, trong đó giống IR50404 chiếm 3%.

<sup>4</sup> Dưa leo 5.000 đ/kg, bầu, bí đao 7.000 đ/kg, mướp 17.000 đ/kg, đậu các loại 28.000 đ/kg, nấm rơm 47.000đ/kg.

Theo các nhà vườn, giá cả trái cây có tăng so với tháng trước do hiện đang vào cuối vụ nên sản lượng một số loại trái cây giảm, trong khi đó nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng vẫn tăng cao<sup>5</sup>.

### **- Chăn nuôi**

Tại thời điểm tháng 11/2023, tổng đàn heo 131.389 con, giảm 2,54% so cùng kỳ; đàn bò 4.381 con, giảm 0,70%; đàn gia cầm 2.143 ngàn con, giảm 10,85% so cùng kỳ năm trước do giá bán trên thị trường tăng nên lượng xuất chuồng tăng dẫn đến tổng đàn giảm.

Lũy kế đến tháng 11/2023, có 196.278 con lợn xuất chuồng, ước sản lượng đạt 19.434 tấn, tăng hơn so cùng kỳ 11,63%; sản lượng thịt gia cầm ước tính 8.539 tấn, tăng 9,66%; sản lượng trứng gia cầm ước tính 108.623 ngàn quả, tăng 11,36% so với cùng kỳ năm 2022.

Giá heo hơi dao động 55.000-58.000 đồng/kg tăng so với đầu tháng, giá các sản phẩm chăn nuôi khác hiện nay người sản xuất đã có lãi<sup>6</sup>.

### **b) Lâm nghiệp**

Ngành Nông nghiệp luôn tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn chăm sóc các cây đã trồng những năm trước và trồng mới cây lâm nghiệp ở những vùng đất nhỏ lẻ ven các tuyến lộ giao thông nông thôn. Ước tính 11 tháng/2023, toàn thành phố đã trồng được 623 ngàn cây phân tán, sản lượng gỗ khai thác ước khoảng 3.342 m<sup>3</sup> giảm 13,28%. Củi khai thác khoảng 40.950 ster giảm 2,82% so cùng kỳ năm trước.

### **c) Thủy sản**

Diện tích nuôi trồng thủy sản đến ngày 15/11 (không bao gồm diện tích sản xuất giống) ước đạt 5.460 ha, giảm 0,26% so với cùng kỳ<sup>7</sup>. Trong đó, diện tích nuôi cá tra thâm canh, bán thâm canh ước đạt 734 ha, giảm 4,18% hay 32 ha so cùng kỳ 2022 do, giá thức ăn tăng cao nhưng giá bán thấp so giá thành và giá không ổn định nên chưa quyết định thả nuôi<sup>8</sup>; diện tích các loại cá như: Cá trê, cá rô, điêu hồng, chép... thả nuôi lũy kế được 4.712 ha, tăng 0,58% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng sản lượng thủy sản tháng 11/2023 ước đạt 25.324 tấn, lũy kế 11 tháng năm 2023 ước đạt 222.416 tấn, tăng 6,34% so cùng kỳ năm trước. Trong

<sup>5</sup> Giá bán tại vườn trong tháng 11/2023 của nhiều loại trái cây như sau: mít Thái loại 1: 30.000-40.000 đồng/kg, măng cầu na Thái 30.000-35.000 đồng/kg, chuối 7.000 đồng/kg, Nhân Idol 20.000 đồng/kg, bưởi da xanh 19.000 đồng/kg, chanh không hạt 15.000 đồng/kg, dứa (khô) 7.500-8.000 đồng/trái; Xoài cát Hòa Lộc 30.000 đồng/kg, Giá sấu riêng hạt lép Ri 6 được nông dân bán xô cho thương lái ở mức 105.000 đồng/kg do hết vụ thu hoạch.

<sup>6</sup> Giá trâu, bò hơi ổn định ở mức từ 75.000 - 80.000 đồng/kg; giá gà ta ở mức từ 90.000 - 100.000 đồng/kg; giá vịt hơi từ 45.000 - 50.000 đồng.

<sup>7</sup> DT nuôi 5.460 ha bao gồm: Cá 5.446 ha, tôm 1 ha, khác 13 ha. 11 tháng năm 2022 5.474 ha, bao gồm: cá 5.451 ha, tôm 4,5 ha và khác 18,5 ha.

<sup>8</sup> Giá cá tra nguyên liệu và giá cá tra giống giảm kể từ tháng 5/2023 đến nay, hiện tại giá bán cá tra nguyên liệu dao động 25.500 - 26.000 đồng/kg (kích cỡ 750 - 950 g/con) giảm 1.000 đồng so với tháng trước, giảm 2.000 đồng/kg so với cùng kỳ năm trước, giá thành bình quân 27.000 - 28.000 đồng/kg. Do lạm phát ở các thị trường lớn như Mỹ, EU, khiến người tiêu dùng cắt giảm chi tiêu, dẫn tới xuất khẩu cá tra của Việt Nam cũng bị ảnh hưởng.

đó, sản lượng nuôi trồng thủy sản nội địa tăng 6,36% và sản lượng khai thác thủy sản nội địa tăng 5,95% so với cùng kỳ 2022, cụ thể như sau:

Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước tháng 11/2023 đạt 24.350 tấn, lũy kế 11 tháng/2023 đạt 215.596 tấn, tăng 6,36% so cùng kỳ năm trước, trong đó: sản lượng nuôi cá ước đạt 214.173 tấn, tăng 6,24% so cùng kỳ (trong đó cá tra đạt 181.668 tấn, tăng 8.427 tấn hay 4,86% so cùng kỳ năm trước).

Sản lượng thủy sản khai thác nội địa tháng 11/2023 ước đạt 974 tấn, lũy kế ước đạt 6.820 tấn, tăng 5,95% so cùng kỳ. Sản lượng khai thác tăng do tháng 11/2023 nước từ thượng nguồn đổ về cao hơn nhiều so năm trước và hiệu quả các hoạt động bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản tự nhiên.

**Hình 2. Sản lượng thủy sản 11 tháng năm 2023 (So với cùng kỳ)**



## 2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp của thành phố ước tháng 11 có những tín hiệu phục hồi tích cực của những ngành, sản phẩm gặp khó khăn trong tháng qua, như: phi lê đông lạnh, tôm đông lạnh.... Chỉ số sản xuất công nghiệp ước 11 tháng chỉ tăng 3,67% so với cùng kỳ năm trước do thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước đều giảm, chi phí sản xuất tăng. Nhà nước cần phải đẩy nhanh thực hiện những chính sách hỗ trợ về vốn, giảm thuế, giãn nợ vay, hạ lãi suất vay để các doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất, tìm kiếm thị trường mới trong những tháng cuối năm 2023.

Ước thực hiện tháng 11/2023 tăng 6,67% so tháng trước và tăng 9,99% so với cùng kỳ, trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tăng 10,49%; ngành phân phối điện tăng 8,91% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý xử lý rác thải, nước thải tăng 1,76% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 11 tháng/2023, IIP ước tăng 3,67% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,51%, ngành phân phối điện tăng 4,44% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý xử lý rác thải, nước thải tăng 1,96%. Trong 11 tháng/2023, các ngành sản xuất (SX) cấp II chiếm tỷ trọng cao trong SX công nghiệp có chỉ số tăng so cùng kỳ, như: SX chế biến

thực phẩm tăng 6,71%, SX da và các sản phẩm có liên quan tăng 15,90%, SX kim loại (sắt thép, đinh...) tăng 27,01%. Tuy nhiên, các ngành chế biến tôm, phi lê đông lạnh, sản xuất đồ uống (bia, nước ngọt), ngành may mặc, sản xuất giấy và bao bì từ giấy gặp những khó khăn lớn về đơn hàng đầu ra sản phẩm, giá nguyên liệu, mức cầu thị trường giảm... Cụ thể: Sản xuất (SX) chế biến đồ uống giảm 4,46%, SX trang phục giảm 10,55%, ngành SX giấy và sản phẩm từ giấy giảm 19,78%, do từ đầu năm đến nay đơn hàng xuất khẩu giảm hoặc chỉ nhận được những đơn hàng nhỏ đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất công nghiệp của thành phố.

Về sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp, một số sản phẩm tăng đáng kể so cùng kỳ, như: Xay xát gạo tăng 22,31%, thức ăn gia súc tăng 14,58%, sản xuất giày dép tăng 82,07%, sắt thép tăng 27,01%, đinh, đinh mũ, ghim dập tăng 39,40%, điện thương phẩm tăng 8,05%; nước uống được tăng 4,49% do, nhu cầu gạo xuất khẩu tăng, mức cầu của các công trình đầu tư công và các doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất đã đi vào hoạt động (giày, dép)...

Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm sản xuất giảm mạnh so với cùng kỳ, cụ thể như: Tôm đông lạnh giảm 16,69%, bia đóng lon giảm 16,51%, phân khoáng và phân hóa học NPK giảm 34,62%, thuốc được phẩm giảm 14,23%...

Tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị dệt may, chế biến xuất khẩu thủy hải sản, phân bón hóa chất, các DN bao bì và DN ngành cơ khí, đóng tàu vẫn chưa được khởi sắc, do chưa có hợp đồng mới, dự kiến sức tiêu thụ hàng hóa trên toàn cầu có thể tăng trở lại trong các dịp lễ lớn ở trong nước và nước ngoài sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất trong nước, nhất là các sản phẩm thủy sản, may mặc, đồ uống...

*Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo:* Ước tháng 11/2023 tăng 3,46% so với tháng trước và giảm 0,61% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 11 tháng/2023, chỉ số tiêu thụ tăng 8,04% so với cùng kỳ<sup>9</sup>. Bên cạnh những Ngành có mức tiêu thụ cao, cũng có một số ngành, sản phẩm có mức tiêu thụ giảm mạnh do chưa có đơn đặt hàng mới, sức mua giảm<sup>10</sup>...

*Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo:* Tại thời điểm 01/11/2023 tăng 7,02% so với tháng cùng kỳ và tăng 0,01% so với tháng trước. Chỉ số trên cho thấy lượng hàng hóa tồn kho tại các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đã giảm so với những tháng trước, mặc dù lượng cầu phục hồi chậm

<sup>9</sup> Nhiều ngành, sản phẩm có chỉ số tiêu thụ tăng cao hơn bình quân Ngành (8,07%) như: xay xát và sản xuất bột thô tăng 16,40% so với cùng kỳ; sản xuất thức ăn gia súc tăng 17,71%; sản xuất trang phục tăng 23,56%; sản xuất giày dép tăng 72,32%; SX sắt, thép tăng 34,03%; Đinh các loại tăng 39,41%...

<sup>10</sup> Các ngành, sản phẩm có chỉ số tiêu thụ giảm mạnh như: Tôm đông lạnh -17,53%, sản xuất bia -21,20%; sản xuất đồ uống -10,10%; SX giấy và sản phẩm từ giấy -24,92%; sản xuất phân NPK và thuốc trừ sâu giảm lần lượt -24,04% và -14,40%...

nhưng doanh nghiệp vẫn duy trì hoạt động, đảm bảo việc làm cho công nhân và nhiều doanh nghiệp vẫn duy trì sản xuất ở mức cao so với nhu cầu nên đã tác động làm tăng lượng hàng tồn kho so với cùng kỳ.

Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng mạnh so với cùng kỳ như: Tôm đông lạnh 41,16%; sản xuất (SX) thuốc lá 68,59%, SX hàng may sẵn (trừ trang phục) 79,60% so tháng cùng kỳ, do xuất khẩu thủy sản vẫn chưa khởi sắc, tiêu dùng trong ngoài nước giảm,..

Bên cạnh những sản phẩm có chỉ số tồn kho tăng vẫn có nhiều ngành có chỉ số tồn kho giảm so với cùng kỳ, như: Xây xát và sản xuất bột thô, sản xuất thuốc lá, sản xuất kim loại<sup>11</sup>...

Tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn trong tháng 11/2023 tăng nhẹ, mặc dù thiếu hụt đơn hàng sản xuất nhưng các doanh nghiệp vẫn duy trì việc làm cho công nhân, hạn chế việc sa thải công nhân nhưng cũng tuyển dụng lao động. Chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp: Ước tháng 11/2023 tăng 0,82% so với tháng trước, giảm 2,06% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2023, chỉ số lao động giảm 4,64% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp nhà nước ước giảm 11,73%; doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm 3,44% và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 5,50% so cùng kỳ năm trước.

**Hình 3. Chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng năm 2023 (So với cùng kỳ)**



### 3. Đầu tư

#### a) Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước

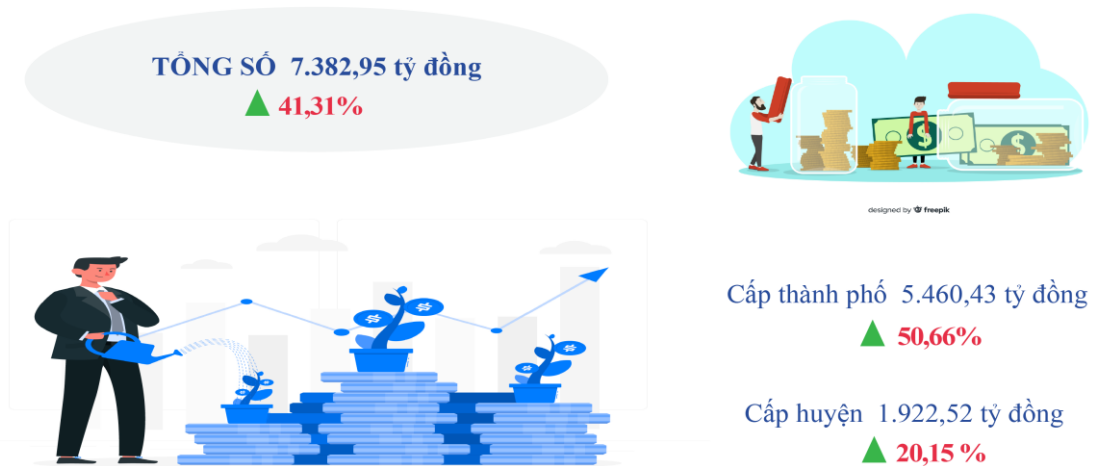
Năm 2023 là năm nhiều công trình, hạng mục công trình do UBND các cấp, các chủ đầu tư đăng ký chào mừng kỷ niệm 20 năm thành phố trực thuộc

<sup>11</sup> Xây xát và sản xuất bột thô giảm -62,75%, sản xuất đồ uống -88,70%, sản xuất kim loại -83,27%.

Trung ương lần lượt được hoàn thành, một số đang trong giai đoạn hoàn thành, điều này tạo nên không khí phấn khởi cũng như đẩy nhanh tiến độ thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt kế hoạch đề ra<sup>12</sup>.

Vốn đầu tư thực hiện nguồn ngân sách nhà nước tháng 11/2023 ước đạt 787,59 tỷ đồng, tăng 3,12% so với tháng trước và giảm 15,37% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố ước đạt 616,52 tỷ đồng, tăng 3,07% so với tháng trước và giảm 24,86% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp quận, huyện đạt 171,08 tỷ đồng, tăng 3,27% so với tháng trước và tăng 55,31% so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng năm 2023, vốn đầu tư thực hiện nguồn ngân sách nhà nước ước đạt 7.382,95 tỷ đồng, bằng 86,54% kế hoạch năm và tăng 41,31% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố ước đạt 5.460,43 tỷ đồng, bằng 84,99% kế hoạch năm và tăng 50,66% so với cùng kỳ năm trước, vốn ngân sách nhà nước cấp quận, huyện ước đạt 1.922,52 tỷ đồng, bằng 91,26% kế hoạch năm và tăng 20,15% so với cùng kỳ.

**Hình 4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý 11 tháng năm 2023 (so với cùng kỳ năm trước)**



Tình hình thực hiện các dự án trọng điểm và dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố:

*Dự án trọng điểm của Trung ương trên địa bàn thành phố*

(1). Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ, đây là một trong hai dự án trọng điểm của Trung ương trên địa bàn thành phố, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ do Ban Quản lý dự án đầu tư thành phố làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư là 9.845 tỷ đồng, được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn kế

<sup>12</sup> Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Ủy ban nhân dân TP Cần Thơ về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 các nguồn vốn ngân sách địa phương.

hoạch năm 2023 là 1.837 tỷ đồng. Dự án có tổng chiều dài khoảng 37,42 km, trong đó đoạn đi qua thành phố Cần Thơ có chiều dài khoảng 13,8 km, qua 3 huyện là: Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ và Thới Lai. Tỉnh Sóc Trăng chuẩn bị bàn giao 7 mỏ cát trên sông Hậu cho các đơn vị thi công cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng. Hiện nay, dự án đang chậm tiến độ do thiếu nguồn nguyên liệu cát san lấp.

(2). *Dự án thành phần đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 đoạn ngang thành phố Cần Thơ - Hậu Giang*, đây cũng là một trong 2 dự án trọng điểm của Trung ương trên địa bàn thành phố, thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang có tổng mức đầu tư hơn 10.370 tỷ đồng và chỉ có 1 gói thầu xây lắp. Theo báo cáo của nhà thầu, mặc dù nguồn vật liệu cát phục vụ cho dự án từng bước được khơi thông, nhưng nhà thầu và đơn vị thi công vẫn đang vướng các thủ tục pháp lý về cấp phép, bàn giao mỏ, trữ lượng cát theo nhu cầu trong năm và xác định giá vật liệu, vì vậy tiến độ thi công công trình và việc khai thác nguồn cát san lấp vẫn chưa đạt kế hoạch đề ra.

*Một số Dự án trọng điểm sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố*

(1). *Dự án phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị (dự án 3)*, đây là 1 trong 8 dự án trọng điểm theo Quyết định của Ban Thường vụ thành phố. Dự án có tổng mức đầu tư hơn 9.167 tỷ đồng (đã điều chỉnh), được thực hiện bằng nguồn vốn ODA, do Ban quản lý ODA thành phố Cần Thơ làm chủ đầu tư. Dự án có 58 gói thầu, lũy kế hoàn thành có 18/58 gói thầu, trong đó có 18/27 gói thầu xây lắp. Kế hoạch vốn năm 2023 được giao 1.897,02 tỷ đồng. Các công trình thuộc dự án 3 sau khi hoàn thành sẽ góp phần chỉnh trang đô thị, chống ngập khu vực trung tâm thành phố, kết nối giao thông cũng như phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội, thu hút đầu tư đến với thành phố Cần Thơ.

+ Dự án Khu tái định cư An Bình phường An Bình là một trong những gói thầu thuộc dự án 3, công trình hiện đang chậm tiến độ do vướng thủ tục bồi hoàn, hỗ trợ tái định cư cho các trường hợp bị ảnh hưởng, công trình có 522 hộ dân bị ảnh hưởng, hiện còn 18 hộ chưa nhận tiền bồi hoàn và 1 hộ chưa bàn giao mặt bằng;

+ Công trình nạo vét cải tạo các tuyến kênh rạch thuộc nội ô quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy, đây là một trong những dự án thuộc dự án 3. Các gói thầu được khởi công vào đầu 2023, đến nay mới khởi công được 5 tuyến, tiến độ thi công còn chậm do mặt bằng bàn giao chưa đồng bộ giữa hai bờ. Công trình sau khi hoàn thành nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm mặt nước dòng chảy, lắp đặt hành lang kè ven các tuyến kênh, cải tạo hệ thống đường giao thông, lắp đặt đèn chiếu sáng công cộng;

+ Dự án xây dựng cầu Trần Hoàng Na, đây là một trong những công trình thuộc dự án 3, công trình có tổng mức đầu tư hơn 791 tỷ đồng, vừa chính thức hợp long đót vòm chủ ngày 10/10/2023, tiến độ thực hiện đến cuối tháng 10/2023 đạt khoảng 90% khối lượng;



+ Công trình cải tạo công thoát nước trên 32 tuyến đường nội ô thành phố. Đây là một trong những dự án thuộc dự án 3, có tổng mức đầu tư hơn 281 tỷ đồng. Tiến độ thực hiện đến nay đạt trên 90% khối lượng công việc;

+ Công trình đường nối đường CMT8 đến đường 918, đây là 1 trong những dự án thuộc dự án 3, nhà thầu đang tập trung thi công phần đấu thông xe kỹ thuật trong tháng 12/2023;

+ Công trình cải tạo hạ tầng đường Hoàng Quốc Việt, đây là 1 trong những dự án thuộc dự án 3, tiến độ thi công đến cuối tháng 10/2023 đạt khoảng 70%.

(2). *Dự án đường Vành đai phía Tây nối liền quốc lộ 91 và quốc lộ 61C*, đây là 1 trong 8 dự án trọng điểm theo Quyết định của Ban Thường vụ thành phố, dự án do Sở Giao thông vận tải thành phố làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư 3.837,7 tỷ đồng, đây là dự án thuộc nhóm A loại dự án công trình đô thị. Kế hoạch vốn năm 2023 được giao 475,13 tỷ đồng. Dự án có chiều dài toàn tuyến trên 19 km, trong đó điểm đầu giao với quốc lộ 91 và đường tỉnh 922, điểm cuối giao với quốc lộ 61C, trên tuyến có 49 cây cầu. Đơn vị thi công đang tập trung mọi nguồn lực Dự án đang gặp khó khăn do thiếu nguồn cát san lấp, để việc thi công không bị gián đoạn, nhà thầu đang thực hiện những hạng mục dưới sông của phần cầu Ba Láng và đường dẫn vào cầu Ba Láng.

(3). *Dự án Bệnh viện Ung Bướu thành phố Cần Thơ*, đây là 1 trong 8 dự án trọng điểm theo Quyết định của Ban Thường vụ thành phố, dự án có tổng mức đầu tư là 1.727,9 tỷ đồng được thực hiện bằng nguồn vốn ODA do Sở Y tế thành phố làm chủ đầu tư. Đến nay, hoàn thành thi công 21% so với tổng mức đầu tư, trong đó mới hoàn thành thi công phần thô, chưa lắp đặt thiết bị y tế. Do hiệp định vay hết hiệu lực nhưng phía đơn vị tài trợ Hungary không tiếp tục gia hạn, vì vậy, dự án đã dừng thi công để tìm phương án xây dựng khác.

(4). *Kè bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ*, dự án có tổng mức đầu tư là 1.095,36 tỷ đồng, do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố làm chủ đầu tư, dự án có chiều dài toàn tuyến 5,1km, đi qua quận Ninh Kiều, quận Cái Răng và huyện Phong Điền với 4 gói thầu xây lắp, kế hoạch vốn năm 2023 được giao là 170,13 tỷ đồng. Đây là một trong những dự án chậm tiến độ của thành phố do tiến độ giải phóng mặt bằng, chi trả bồi hoàn, bố trí tái định cư chậm và dây dera kéo dài, đến nay toàn tuyến còn khoảng 20 hộ đang chuẩn bị các thủ tục di dời. Theo cam kết với đơn vị tài trợ, dự án phải hoàn thành tường kè trước ngày 31/12/2023 để giải ngân phần kinh phí đối ứng, nếu vẫn chưa hoàn thành, thành phố phải trích ngân sách địa phương để thực hiện các khối lượng thi công còn lại.

+ Gói thầu số 1 đã hoàn tất phần tường kè, đơn vị thi công đang tập trung thi công phần đường giao thông nội bộ cặp kè, khuôn viên công viên.

+ Gói thầu số 3 nằm trên địa bàn phường Lê Bình, quận Cái Răng, đơn vị thi công đang tập trung các hạng mục còn lại, như lắp đèn chiếu sáng, trồng cỏ, lát gạch.

(5). *Dự án xây dựng 501 nhà chờ, điểm dừng xe buýt hiện đại*, dự án do sở Giao thông vận tải thành phố làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư 24,99 tỷ đồng. Dự án có 13 gói thầu, tiến độ thi công đến đầu tháng 11/2023 đạt trên 70%, nhiều nhà chờ đã xong phần khung, đang chờ lắp đặt mái che, lát gạch nền, khung thép cột. Dự án được thiết kế theo quy chuẩn hiện đại, khi hoàn thành sẽ thay thế điểm dừng đón hiện hữu bị hư hỏng, xuống cấp, cũng như bổ sung thêm một số điểm dừng đón trả khách mới.

(6). *Dự án kè chống sạt lở, chống xâm nhập mặn, ứng phó với biến đổi khí hậu khu vực rạch Cái Sơn*, dự án do Chi Cục Thủy lợi làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư trên 310 tỷ đồng, có tổng chiều dài gần 3km. Công trình có 3 gói thầu, trong đó gói thầu số 1, số 2 thuộc phường An Bình quận Ninh Kiều, gói thầu số 3 thuộc phường Long Xuyên quận Bình Thủy. Dự án khởi công từ năm 2019, đến nay chỉ có gói thầu số 3 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, 2 gói thầu còn lại đang thi công dở dang hơn 1 năm qua do công tác giải phóng mặt bằng trì trệ, hiện nay kinh phí giải ngân cho công trình không còn do quá thời gian quy định. Chủ đầu tư đang tham mưu, đề xuất cho phép dự án tiếp tục kéo dài sang năm 2024 hoàn thành khoảng trên 15% khối lượng công việc còn lại.

(7). *Dự án nâng cấp mở rộng cầu đường giao thông nối từ phường Trung Kiên quận Thốt Nốt đến xã Trung Thạnh huyện Cờ Đỏ*, dự án có tổng mức đầu tư gần 45 tỷ đồng, có chiều dài trên 4,2km do Trung tâm phát triển quỹ đất quận Thốt Nốt làm chủ đầu tư, đây là một trong những công trình quận Thốt Nốt đăng ký hoàn thành trong năm để chào mừng kỷ niệm 20 năm thành phố trực thuộc Trung ương. Dự kiến thông xe toàn tuyến trước ngày 31/12/2023.

(8). *Dự án xây dựng tuyến đường Vàm Xáng - Ba Láng*, dự án có tổng mức đầu tư trên 120 tỷ đồng, do UBND huyện Phong Điền làm chủ đầu tư. Đây là một trong những công trình huyện Phong Điền đăng ký hoàn thành trong năm để chào mừng kỷ niệm 20 năm thành phố trực thuộc Trung ương và thành lập huyện, tiến độ thi công đến cuối tháng 10/2023 đạt gần 70%. Tuyến đường nhằm phát triển hệ thống giao thông, kết nối từ xã Nhơn Nghĩa huyện Phong Điền đến phường Ba Láng quận Cái Răng, đơn vị thi công đang đẩy nhanh tiến độ, cố gắng thông xe vào giữa tháng 12/2023.

#### ***b) Thu hút vốn trực tiếp nước ngoài (FDI)***

Tháng 11/2023, chưa cấp mới dự án. Lũy kế 11 tháng đầu năm 2023, cấp mới 3 dự án, vốn đăng ký 0,63 triệu USD; chấm dứt 6 dự án, tổng vốn đăng ký 2,33 triệu USD. Ước lũy kế trên địa bàn thành phố hiện có 83 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 2.269,39 triệu USD (Trong Khu Công nghiệp: 29 dự án, tổng vốn đăng ký 611,98 triệu USD; ngoài Khu Công nghiệp: 54 dự án, tổng vốn đăng ký 1.657,41 triệu USD).

#### ***c) Tình hình đăng ký doanh nghiệp***

Tháng 11 năm 2023, cấp mới đăng ký kinh doanh cho 95 doanh nghiệp các loại hình với tổng vốn đăng ký khoảng 855,96 tỷ đồng. Lũy kế 11 tháng đầu năm, cấp mới đăng ký kinh doanh cho 1.551 doanh nghiệp, đạt 77,55% kế

hoạch, giảm 6,06% so với cùng kỳ, tổng vốn đăng ký khoảng 11.053,24 tỷ đồng, đạt 78,95% kế hoạch, giảm 14,15% so với cùng kỳ.

#### **d) Công tác giải ngân**

Tính đến ngày 19/11/2023, kết quả giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch vốn năm 2023 là 6.168,32/8.450,78 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 73% kế hoạch. Trong đó, cấp thành phố quản lý giải ngân 4.528,66/6.421,34 tỷ đồng, đạt 70,53% kế hoạch; cấp quận, huyện quản lý giải ngân 1.639,66/2.029,44 tỷ đồng, đạt 80,8% kế hoạch. Giải ngân chi tiết một số nguồn vốn: nguồn cân đối ngân sách địa phương 75,5%, nguồn tiền sử dụng đất 83,3%, nguồn xổ số kiến thiết 89,2%, nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu đầu năm 83,1%, nguồn vốn ngoài nước (ODA) 68,6%....

#### **4. Thương mại, dịch vụ, du lịch**

*Trong tháng 11/2023 hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn có nhiều điểm nổi bật khi thành phố đang triển khai các hoạt động chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập TP Cần Thơ trực thuộc Trung ương, trong đó hội chợ triển lãm "TP Cần Thơ - 20 năm thành tựu và phát triển" là một trong số các sự kiện nhằm biểu dương sự lớn mạnh, trưởng thành của các lực lượng, Sở, ban ngành, các cấp trong 20 năm qua với sự tham gia nhiều gian hàng từ các đơn vị.*

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11/2023, ước đạt 10.106,07 tỷ đồng, tăng 4,81% so với tháng trước và tăng 11,66% so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng năm 2023, ước đạt 105.850,89 tỷ đồng, tăng 11,78% so với cùng kỳ. Trong đó:

*Bán lẻ hàng hóa:* Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính tháng 11/2023 đạt 7.308,05 tỷ đồng, tăng 3,76% so với tháng trước và tăng 10,67% so với cùng kỳ năm trước. Trong 12 nhóm hàng, có 7 nhóm hàng có doanh thu tăng so với cùng kỳ: Nhóm hàng lương thực, thực phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất có mức tăng 2,37% so tháng trước và tăng 18,75% so cùng kỳ; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 4,98% so tháng trước và tăng 5,77% so cùng kỳ; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 5,91% so tháng trước và tăng 3,54% so cùng kỳ;...

Tính chung 11 tháng năm 2023, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 76.993,36 tỷ đồng, tăng 9,38% so với cùng kỳ. Hầu hết các ngành hàng đều tăng doanh thu so cùng kỳ: Lương thực, thực phẩm tăng 12,08% so cùng kỳ; hàng may mặc tăng 5,33%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 7,90%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 11,68%;... Chỉ có duy nhất 01 nhóm hàng giảm so cùng kỳ là đá quý, kim loại quý và sản phẩm giảm 7,06%.

*Lưu trú, ăn uống:* Doanh thu lưu trú, ăn uống tháng 11/2023 ước đạt 1.332,36 tỷ đồng, tăng 8,76% so tháng trước và tăng 22,30% so cùng kỳ.

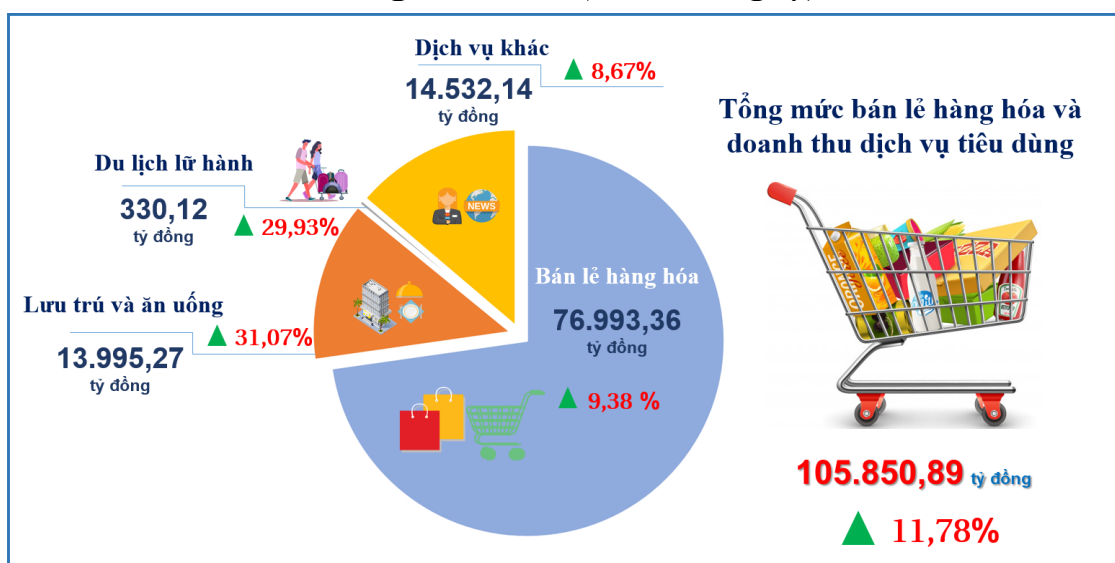
Tính chung 11 tháng năm 2023 đạt 13.995,27 tỷ đồng, tăng 31,07% so với cùng kỳ, cụ thể: Dịch vụ lưu trú ước đạt 1.858,16 tỷ đồng, tăng 72%; dịch vụ ăn uống ước đạt 12.137,11 tỷ đồng, tăng 26,46% so với cùng kỳ.

*Du lịch lữ hành:* Thành phố tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch, tổ chức và tham gia các sự kiện văn hóa lớn trong và ngoài nước. Doanh thu du lịch lữ hành tháng 11/2023 ước đạt 24,35 tỷ đồng, tăng 6,77% so tháng

trước và 5,55% so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng năm 2023, doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 330,12 tỷ đồng, tăng 29,93% so cùng kỳ.

*Dịch vụ khác:* Doanh thu dịch vụ khác tháng 11/2023 ước đạt 1.441,31 tỷ đồng, tăng 6,63% so tháng trước và tăng 7,98% so cùng kỳ. Tính chung 11 tháng năm 2023, doanh thu dịch vụ khác ước đạt 14.532,14 tỷ đồng, tăng 8,67% so với cùng kỳ. Hầu hết các ngành trong nhóm ngành dịch vụ khác này đều tăng cao so với cùng kỳ thì hoạt động của lĩnh vực dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ giảm 7,40%, đặc biệt là hoạt động kinh doanh bất động sản chưa có dấu hiệu phục hồi mạnh, doanh thu tiếp tục giảm 3,62% so cùng kỳ năm trước.

**Hình 5. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 11 tháng năm 2023 (So với cùng kỳ)**



## 5. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

*Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11 năm 2023 tăng 0,03% so với tháng trước; tăng 2,88% so với tháng cùng kỳ năm trước, tăng 2,98% so với tháng 12 năm trước; Chỉ số giá bình quân 11 tháng tăng 1,65% so với bình quân cùng kỳ năm trước.*

So với tháng trước, CPI tháng 11 ghi nhận 06 nhóm hàng có chỉ số CPI tăng so với tháng trước, gồm: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,01%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,30%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,01%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,07%; giao thông tăng 0,11%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,15%. Bên cạnh đó, có 02 nhóm hàng có chỉ số CPI giảm: Bưu chính viễn thông giảm 0,18%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,12%. Nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá ổn định so với tháng trước là nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình, thuốc - dịch vụ y tế và nhóm giáo dục.

Tính chung 11 tháng năm 2023, CPI bình quân tăng 1,65% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Có 9/11 nhóm hàng có CPI tăng, gồm: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,37%; đồ uống và thuốc lá tăng 2,08%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,14%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,01%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,58%; thuốc và dịch vụ y tế tăng

1,65%; giáo dục tăng 4,88%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 3,21%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,83%. Bên cạnh đó, có 02/11 nhóm hàng có chỉ số CPI giảm: Giao thông giảm 4,44%; bưu chính viễn thông giảm 1,32%.

#### *Các nguyên nhân tác động đến giá CPI tháng 11 năm 2023*

Trong tháng có nhiều chương trình giảm giá, khuyến mãi được triển khai ở các cửa hàng, các siêu thị lớn nhỏ trên địa bàn thành phố đặc biệt là các nhóm hàng lương thực thực phẩm, đồ tiêu dùng gia đình, đồ dùng phục vụ cá nhân... được giảm giá mạnh nhân các ngày như ngày 11-11, ngày Black Friday, ngày 20-11 và các ngày nghỉ cuối tuần nhằm thu hút nhu cầu mua sắm của người dân. Từ những chương trình này đã tác động làm chỉ số giá một số nhóm mặt hàng giảm, tuy nhiên cũng có một số nhóm hàng tăng do đã kết thúc các chương trình ưu đãi.

Do giá gas thế giới tăng, giá gas bán lẻ trong nước cũng tăng thêm 4.000 - 5.000 đồng/bình 12kg từ ngày 1/11, các doanh nghiệp kinh doanh gas cho biết giá gas thế giới đã liên tiếp tăng thời gian qua. Theo các doanh nghiệp, giá hợp đồng nhập khẩu (CP) trên thế giới được ấn định cho tháng 11 tăng 7,5 USD/tấn so với tháng trước đó, lên mức 615 USD/tấn, khiến giá gas bán lẻ trong nước tăng.

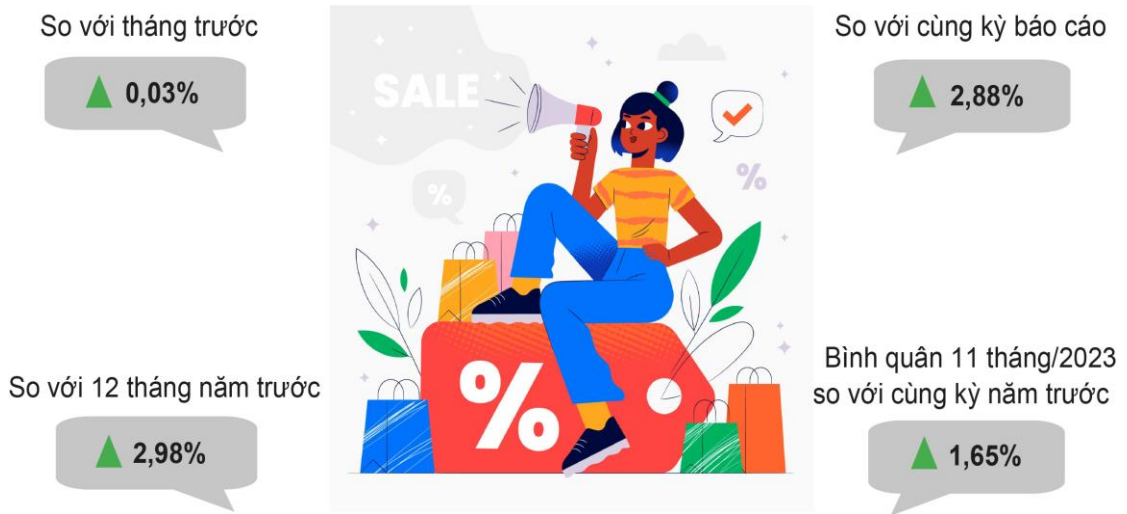
Tại kỳ điều chỉnh ngày 1/11, dù giá dầu thế giới có những phiên giảm nhưng nếu tính bình quân trong 10 ngày (từ ngày 23 đến 31/10), giá vẫn tăng so với kỳ điều hành trước. Ngoài ra, trên thị trường Singapore, giá xăng thành phẩm bình quân cũng tăng nhẹ so với kỳ trước. Nguyên nhân là do giá xăng thành phẩm tại thị trường Singapore tăng, trong khi giá dầu thành phẩm giảm. Giá xăng dầu trong nước đang chịu ảnh hưởng trực tiếp từ giá xăng dầu thế giới và thị trường Singapore nên ở kỳ điều hành này, giá xăng tăng còn giá dầu giảm.

Kỳ điều chỉnh ngày 13/11, mỗi lít xăng giảm 340-390 đồng, còn dầu diesel giảm 620-1.060 đồng. Theo liên Bộ, thị trường xăng dầu thế giới trong thời gian qua tăng giảm đan xen do chịu ảnh hưởng từ nguồn cung thắt chặt sau khi Nga và Arab Saudi khẳng định giảm nguồn cung dầu, đồng USD tăng giá và xung đột tại Trung Đông. Các yếu tố nêu trên khiến giá xăng dầu thế giới có biến động tăng giảm nhưng tính chung là giảm.

*Chỉ số giá vàng* tháng 11 tăng 3,65% so với tháng trước, tăng 11,06% so với cùng kỳ năm trước, tăng 10,17% so với tháng 12 năm trước. Bình quân 11 tháng năm 2023, chỉ số giá vàng 4,44% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

*Chỉ số giá đô la Mỹ* tháng 11 tăng 0,04% so với tháng trước, giảm 1,14% so với cùng kỳ năm trước, tăng 1,60% so với tháng 12 năm trước. Bình quân 11 tháng năm 2023, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 2,14% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

## Hình 6. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11 năm 2023



### 6. Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông

Doanh thu hoạt động vận tải 11 tháng năm 2023 khá ổn định khi vận tải hành khách và hàng hóa cũng như các hoạt động liên quan vận tải đều tăng so cùng kỳ năm 2022. Trong đó, vận tải hành khách vẫn giữ mức tăng 2 con số (+13,33%) so cùng kỳ, đặc biệt vận tải đường bộ luôn chiếm tỷ trọng cao và có mức tăng dao động khá từ 6-8% so cùng kỳ.

Ước tính tháng 11 năm 2023, tổng doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát ước đạt 611,32 tỷ đồng, tăng 2,65% so tháng trước và tăng 5,07% so với cùng kỳ năm 2022<sup>13</sup>. Tính chung 11 tháng năm 2023 ước đạt 6.790,17 tỷ đồng, tăng 8,46% so cùng kỳ năm trước, trong đó: Vận tải hành khách ước đạt 1.451,96 tỷ đồng, tăng 13,33%; vận tải hàng hóa ước đạt 3.527,63 tỷ đồng, tăng 6,51%; kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 1.442,48 tỷ đồng, tăng 9,20%; dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 368,10 tỷ đồng, tăng 6,31% so cùng kỳ.

**Vận tải hành khách:** Số lượt hành khách vận chuyển trong tháng 11/2023 ước đạt 1.447,36 nghìn hành khách, giảm 3,30% so với tháng trước và tăng 5,07% so với cùng kỳ. Số lượt hành khách luân chuyển đạt 121.644,55 nghìn hành khách.km, giảm 16% so tháng trước và tăng 3,36% so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng năm 2023, số lượt hành khách vận chuyển ước đạt 16.068,01 nghìn hành khách, tăng 10,41% so với cùng kỳ. Số lượt hành khách luân chuyển đạt 1.380.477,48 nghìn hành khách.km, tăng 11,16% so với cùng kỳ.

<sup>13</sup> Vận tải hành khách ước đạt 127,82 tỷ đồng, tăng 3,61%; vận tải hàng hóa ước đạt 313,92 tỷ đồng, tăng 2,40%; kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 134,16 tỷ đồng, tăng 13,27%; dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 35,42 tỷ đồng, tăng 5,82% so cùng kỳ.

**Vận tải hàng hóa:** Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng 11/2023, ước đạt 1.590,66 nghìn tấn, tăng so với tháng trước và tăng so với cùng kỳ lần lượt là 0,49%; 4,23%. Khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 306.342,04 nghìn tấn.km, tăng 0,15% so tháng trước và tăng 7,17% so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng năm 2023, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước tính đạt 15.012,98 nghìn tấn, tăng 7,39% so với cùng kỳ. Khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 3.202.905,10 nghìn tấn.km, tăng 10,05% so với cùng kỳ.

**Bưu chính, chuyển phát:** Doanh thu dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 35,42 tỷ đồng, tăng 5,82% so cùng kỳ. Tính chung 11 tháng năm 2023 doanh thu dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 368,10 tỷ đồng, tăng 6,31% so cùng kỳ.

**Hình 7. Hoạt động vận tải 11 tháng năm 2023 (So với cùng kỳ)**



## 7. Tài chính, ngân hàng

### a) Thu, chi ngân sách

**Thu ngân sách nhà nước:** Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn lũy kế thực hiện đến ngày 20/11/2023 đạt 13.544,67 tỷ đồng, bằng 74,01% dự toán HĐND thành phố giao, giảm 0,67% so với cùng kỳ. Cụ thể một số khoản thu chính như sau:

Thu nội địa đạt 9.052,68 tỷ đồng, bằng 84,12% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 9,47% so với cùng kỳ. Trong đó các khoản thu giảm so cùng kỳ như: Thu từ doanh nghiệp nhà nước (-33,41%); thuế thu nhập cá nhân (-7,26%); lệ phí trước bạ (-22,93%); thuế bảo vệ môi trường (-55,19%); thu tiền thuê mặt đất, mặt nước (-7,35%).

Tuy nhiên, một số khoản thu vẫn tăng so cùng kỳ như: Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (+12,14%); thu từ doanh nghiệp ngoài nhà nước (+4,83%); thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán) (+8,31%);..

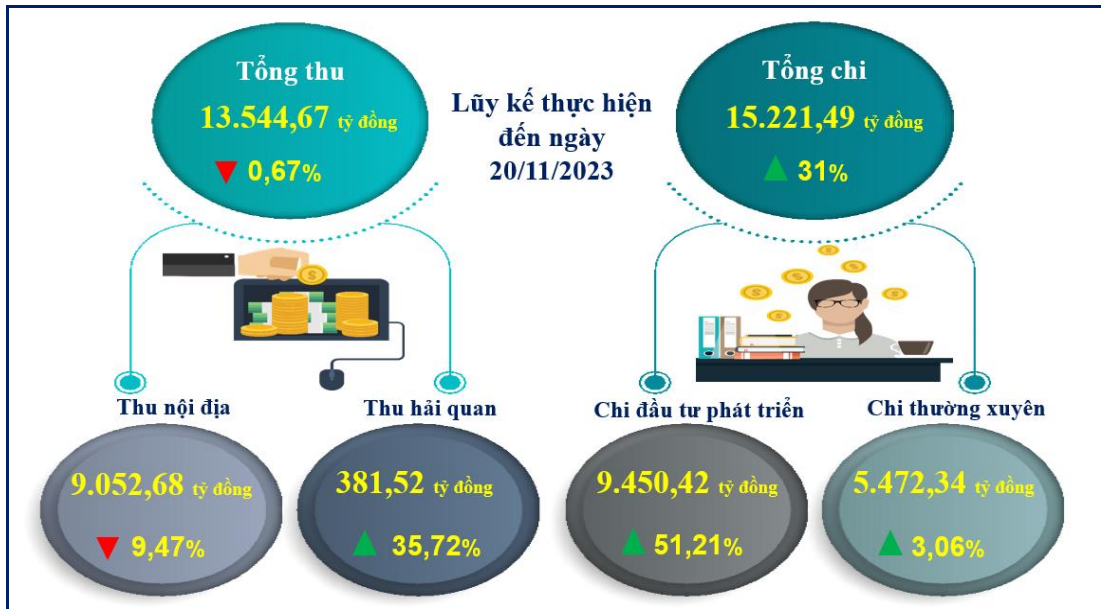
Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 381,52 tỷ đồng, bằng 137,73% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 35,72% so với cùng kỳ.

*Chi ngân sách địa phương:* Tổng chi ngân sách địa phương lũy kế thực hiện đến ngày 20/11/2023 đạt 15.221,49 tỷ đồng, bằng 75,82% dự toán HĐND thành phố giao, tăng 31% so với cùng kỳ. Trong đó:

Chi đầu tư phát triển đạt 9.450,42 tỷ đồng, bằng 78,78% dự toán HĐND thành phố giao, tăng 51,21% so với cùng kỳ.

Chi thường xuyên đạt 5.472,34 tỷ đồng, bằng 76,53% dự toán HĐND thành phố giao, tăng 3,06% so với cùng kỳ. Trong đó: Chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo đạt 2.236,28 tỷ đồng, bằng 85,19% so với dự toán HĐND thành phố giao và tăng 16,42% so với cùng kỳ; chi cho sự nghiệp y tế đạt 371,73 tỷ đồng, bằng 88,55% so với dự toán HĐND thành phố giao và tăng 13,87% so với cùng kỳ.

**Hình 8. Thu chi ngân sách nhà nước (So với cùng kỳ)**



### b) Tín dụng ngân hàng

*Vốn huy động:* Đến cuối tháng 11/2023, vốn huy động ước đạt 111.800 tỷ đồng, tăng 0,64% so với đầu tháng, tăng 5,98% so với đầu năm, trong đó vốn huy động VNĐ 109.100 tỷ đồng, chiếm 97,58%, tăng 6,50% so với đầu năm; ngoại tệ là 2.700 tỷ đồng, chiếm 2,42%, giảm 11,36% so với đầu năm.

*Tổng dư nợ cho vay:* Đến tháng 11/2023, tổng dư nợ cho vay ước đạt 149.200 tỷ đồng, tăng 0,62% so với đầu tháng, tăng 5,19% so với đầu năm. Nợ xấu là 3.500 tỷ đồng, chiếm 2,35% tổng dư nợ.

Theo loại tiền: Dư nợ cho vay VNĐ 140.400 tỷ đồng, chiếm 94,10%, tăng 3,86% so với đầu năm; dư nợ cho vay ngoại tệ 8.800 tỷ đồng, chiếm 5,90% tổng dư nợ cho vay, tăng 32,37% so với đầu năm.



Theo thời hạn: Dự nợ cho vay ngắn hạn 91.500 tỷ đồng, chiếm 61,33%, tăng 8,41% so với đầu năm; dự nợ cho vay trung dài hạn 57.700 tỷ đồng, chiếm 38,67% tổng dự nợ cho vay, tăng 0,47% so với đầu năm.

**Hình 9. Hoạt động ngân hàng (Tính đến cuối tháng 11/2023)**



## 8. Các vấn đề xã hội

### a) Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức Hội mặt kỷ niệm 41 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2023). Tại buổi Hội mặt, Ban Tổ chức tôn vinh và trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cao quý đến các nhà giáo; đặc biệt trao tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố đối với 20 nhà giáo tiêu biểu và 20 mô hình học tập tiêu biểu nhân kỷ niệm 20 năm thành lập thành phố Cần Thơ trực thuộc Trung ương.

Phối hợp Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố tổ chức Hội thi về tuyên truyền, phòng, chống tác hại của thuốc lá; Hội thi phòng, chống HIV/AIDS tại các cơ sở giáo dục, có 26/28 cơ sở giáo dục trực thuộc Sở tham gia Hội thi với gần 12.000 lượt học sinh đăng ký dự thi; tổ chức truyền thông nâng cao hiểu biết của học sinh về tâm lý học đường, sức khỏe sinh sản và HIV/AIDS tại 10 cơ sở giáo dục trực thuộc Sở với hơn 3.000 lượt học sinh tham gia. Phối hợp với Liên đoàn Bóng đá Cần Thơ tổ chức Lễ Khởi động dự án Bóng đá cộng đồng; tập huấn cho 30 giáo viên là Huấn luyện viên Bóng đá cộng đồng, 30 giáo viên là Hướng dẫn viên Kỹ năng sống của 30 câu lạc bộ Bóng đá cộng đồng thuộc 30 trường THCS và tiểu học; tổ chức ngày hội Bóng đá vui với sự tham gia của 10 câu lạc bộ Bóng đá cộng đồng.

Cử 02 học sinh Trường THCS Thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ tham gia vòng chung kết Sân chơi tranh biện “Lead with Lof scholar's cup” năm 2023 do Hội đồng Đội Trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh đạt giải Ba toàn quốc.

Lũy kế đến ngày 16/11/2023, tổng số trường đạt chuẩn quốc gia là 347/446 trường đạt tỷ lệ 77,8%, trong đó: MN 124/172 trường, tỷ lệ 72,09%;

TH 146/167 trường, tỷ lệ 87,43%; THCS 55/69 trường, tỷ lệ 79,71%; THPT 22/38 trường, tỷ lệ 57,89%.

### **b) Y tế và chăm sóc sức khỏe người dân**

*Tình hình dịch bệnh:* Tính từ ngày 15/10/2023 đến ngày 14/11/2023, thành phố Cần Thơ ghi nhận 164 trường hợp mắc sốt xuất huyết, không trường hợp tử vong, tăng 06 trường hợp mắc và giảm 01 trường hợp tử vong so với tháng trước, lũy tích từ đầu năm đến nay ghi nhận 1.750 trường hợp mắc, 02 trường hợp tử vong và giảm 4.337 trường hợp mắc và tăng 02 trường hợp tử vong so cùng kỳ năm 2022; tay chân miệng ghi nhận 855 trường hợp mắc, tăng 25 trường hợp so với tháng trước, lũy tích từ đầu năm đến nay ghi nhận 3.473 trường hợp mắc, 03 trường hợp tử vong, tăng 1.506 trường hợp mắc và tăng 03 trường hợp tử vong so cùng kỳ năm 2022; sởi và sốt phát ban nghi sởi không ghi nhận trường hợp mắc, không tăng giảm so với tháng trước; tiêu chảy 979 trường hợp, tăng 25,19% so với tháng trước.

*Công tác phòng, chống dịch Covid-19:* Trong tháng không ghi nhận trường hợp mắc, không có tử vong; không tăng giảm so với tháng trước, lũy tích từ đầu năm đến nay ghi nhận 378 trường hợp mắc, không có tử vong. Ngành Y tế tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới theo Quyết định số 3896/QĐ-BYT về việc điều chỉnh bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra (Covid-19) từ bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A sang bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007. Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ ở trẻ dưới 1 tuổi trên địa bàn thành phố Cần Thơ đạt 74,6%.

*Công tác y tế dự phòng khác:* Triển khai sử dụng biểu mẫu trong kiểm tra tiền sử và tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học; sử dụng vắc xin cúm mùa cho nhân viên y tế thành phố Cần Thơ năm 2023 (đợt 2). Tiếp tục thực hiện giám sát tích cực các trường hợp nghi nhiễm các dịch bệnh truyền nhiễm ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi đồng và gửi mẫu bệnh phẩm về Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh.

*Công tác phòng, chống HIV/AIDS:* Lũy tích số người nhiễm HIV phát hiện được là 7.497 trường hợp. Trong đó, tử vong 2.719 trường hợp, số nhiễm HIV còn sống 4.778 trường hợp. Số trường hợp đang điều trị Methadone là 319 trường hợp.

*Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm:* Trong tháng không ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn thành phố.

### **c) Văn hóa, thể dục, thể thao (VHTTDL)**

*Văn hóa:* Tuyên truyền cổ động và tổ chức các hoạt động VHTTDL kỷ niệm ngày lễ, sự kiện của đất nước và thành phố. Đặc biệt, chuẩn bị tổ chức các hoạt động kỷ niệm 20 năm thành lập thành phố Cần Thơ trực thuộc Trung ương (01/01/2004-01/01/2024), gắn với Chào năm mới và “Mừng Đảng quang vinh - Mừng Xuân Giáp Thìn 2024”.

Thực hiện chủ đề năm 2023 của thành phố: “Tăng cường xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tập trung các nguồn lực đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội thành phố”.

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và xây dựng người Cần Thơ: Báo cáo kết quả thẩm định mức độ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 của xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ. Phối hợp Đài Phát thanh và Truyền hình Cần Thơ thực hiện chương trình “Chuyện văn hóa” 02 kỳ; phối hợp Báo Cần Thơ thực hiện trang “Văn hóa cơ sở” 04 kỳ và phát hành đến 599 ấp, khu vực và đăng trên Cổng thông tin điện tử. Phối hợp Báo Sài gòn Giải phóng thực hiện 02 bài báo tuyên truyền về xây dựng Người Cần Thơ. Phát hành 292 túi vải tuyên truyền Phong trào “TĐĐKXDĐSVH” và 700 phôi tuyên truyền xây dựng Người Cần Thơ.

*Thư viện:* Mạng lưới thư viện công cộng toàn thành phố bổ sung 18.719 bản sách, phục vụ 297.606 lượt bạn đọc và 603.794 lượt tài nguyên thông tin. Chuẩn bị tổ chức Hội Báo xuân và Cuộc thi Ấn phẩm xuân Giáp Thìn 2024 thành phố Cần Thơ<sup>14</sup>. Đăng ký tham gia Liên hoan Cán bộ thư viện toàn quốc tuyên truyền phát triển văn hóa đọc và giới thiệu sách chào mừng kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2024). Trưng bày 40 quyển sách chuyên đề kỷ niệm 41 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2023).

Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa: Tổ chức phục vụ khách tham quan tại Bảo tàng thành phố, di tích lịch sử Khám lớn Cần Thơ, Đền thờ Vua Hùng thành phố Cần Thơ thu hút: 11.836 lượt khách. Chuẩn bị tổ chức triển lãm ảnh “Thành tựu 20 năm thành phố Cần Thơ trực thuộc Trung ương” và trưng bày chuyên đề “Phong tục đón Tết của dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long”.

Hoạt động nghệ thuật (liên hoan, hội thi, hội diễn): Ban hành Kế hoạch tổ chức Liên hoan “Ca nhạc, ca cổ, tiểu phẩm Xuân” thành phố Cần Thơ lần thứ XIV năm 2024. Tổ chức vòng sơ tuyển Cuộc thi Cải lương “Mộc Quán - Nguyễn Trọng Quyền” năm 2023. Tham dự Hội thi Tiểu phẩm tuyên truyền kỷ niệm 80 năm ra đời “Đề cương về Văn hóa Việt Nam” tại tỉnh Kiên Giang, kết quả đạt 01 HCB tiểu phẩm “Nước lại về nguồn” và 01 HCV, 02 HCB cá nhân, 01 Bằng khen của UBND tỉnh Kiên Giang và 01 Giấy khen cho tác giả Võ Tử Uyên.

Nhà hát Tây Đô: Tổ chức biểu diễn 06 suất và phục vụ khoảng 900 lượt người xem.

*Thể dục, thể thao (TDTT) quần chúng:* Tính đến tháng 11/2023, chỉ tiêu người tập luyện TDTT thường xuyên 443.315 người, đạt 99,7% kế hoạch năm; số gia đình thể thao 96.690 hộ, đạt 99,8% kế hoạch năm, số câu lạc bộ TDTT 1.396 CLB, đạt 99,7% kế hoạch năm.

---

<sup>14</sup> Thành lập Ban Tổ chức Hội Báo xuân và Cuộc thi Ấn phẩm xuân Giáp Thìn 2024 thành phố Cần Thơ; thành lập Ban Giám khảo Cuộc thi Ấn phẩm xuân Giáp Thìn 2024; ban hành Thê lệ, Thang điểm Cuộc thi Ấn phẩm xuân Giáp Thìn 2024 thành phố Cần Thơ; Công văn mời tham gia Cuộc thi Ấn phẩm xuân Giáp Thìn 2024 thành phố Cần Thơ.

Thể thao thành tích cao: Từ đầu năm đến nay, cử 241 lượt HLV, 1.328 lượt VĐV (518 nữ) tham dự 95 giải thể thao, đạt 748 huy chương các loại: 204 HCV - 192 HCB - 352 HCD, trong đó huy chương tại Đại hội Thể thao đồng bằng sông Cửu Long lần thứ IX - Hậu Giang năm 2023 đạt 71 HCV, 48 HCB, 108 HCD, xếp hạng II toàn đoàn.

#### **d) Chính sách lao động - xã hội**

*Lĩnh vực lao động:* Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ đã thực hiện vấn việc làm, chính sách việc làm và học nghề cho 34.319 lượt người, giới thiệu việc làm trong và ngoài nước cho 1.525 lượt người, cung ứng lao động trong và ngoài nước cho 257 lượt người; thông qua các hình thức như: gián tiếp qua email, tổng đài điện thoại, nhóm Quản trị nhân sự Cần Thơ, mạng xã hội Zalo và Facebook của Trung tâm, Cổng thông tin Việc làm Cần Thơ, mã QR của Trung tâm; trực tiếp tại Ngày Gặp gỡ nhà tuyển dụng, Điểm tư vấn việc làm tại Ngày hội việc làm Trường Đại học FPT, Phiên Giao dịch việc làm trực tuyến khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh, thành phố lân cận quý IV năm 2023. Thực hiện kinh phí đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực việc làm. Kết quả đã thực hiện 4.794 ca dịch vụ tư vấn, trong đó tư vấn việc làm là 4.774 ca và tư vấn học nghề là 20 ca. Thực hiện thu thập 1.097 chỗ việc làm trống của doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng thông qua khảo sát, cập nhật từ các kênh tuyển dụng của các doanh nghiệp, thu thập thông tin của 363 lượt lao động có nhu cầu tìm việc cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu. Số lượng hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trong kỳ báo cáo 1.221 hồ sơ tăng 15,94% so với tháng báo cáo liền trước (1.053 hồ sơ), tăng 20,18% so với cùng kỳ báo cáo năm 2022.

*Thực hiện chính sách Người có công:* Toàn thành phố hiện có 5.108 đối tượng, người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi thường xuyên với tổng kinh phí trên 11 tỷ đồng; trong đó có 23 Mẹ Việt Nam anh hùng còn sống đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, tất cả các Mẹ đều đã được các đơn vị nhận phụng dưỡng.

*Lĩnh vực xã hội:* Thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên ngoài cộng đồng cho 42.266 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng số tiền hơn 24 tỷ đồng.

#### **e) Tình hình tai nạn giao thông và cháy nổ**

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông thành phố Cần Thơ (từ ngày 15/10/2023 đến ngày 14/11/2023) đã xảy ra 08 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 02 vụ so với cùng kỳ; chết 05 người, giảm 03 người chết so với cùng kỳ; số người bị thương 03 người, giảm 02 người so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng/2023, xảy ra 74 vụ tai nạn giao thông, trong đó 70 vụ đường bộ và 04 vụ đường thủy.

### Hình 10. Tình hình tai nạn giao thông, cháy 11 tháng/2023



Tình hình cháy, nổ tháng 11/2023 (từ ngày 15/10/2023 đến 14/11/2023) trên địa bàn thành phố Cần Thơ xảy ra 01 vụ cháy, không xảy ra vụ nổ. So với cùng kỳ, giảm 02 vụ. Lũy kế 11 tháng số vụ cháy là 08 vụ, thiệt hại về người: 01 người chết do bị ngạt khói khi đưa ra ngoài, 01 người bị thương; thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 2 tỷ 247 triệu đồng./.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ TK Tổng hợp & PBTTTK;
- Thành ủy, UBND TP Cần Thơ;
- CTK các tỉnh ĐBSCL và các TP T.thuộc TW;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn TP Cần Thơ;
- Cơ quan Thông tấn, báo chí;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- Ban Lãnh đạo Cục;
- Các phòng nghiệp vụ thuộc Cục Thống kê;
- Chi cục Thống kê các khu vực và Chi cục Thống kê quận Ninh Kiều;
- Website Cục Thống kê;
- Phần mềm quản lý tài liệu;
- Lưu: VT, TKTH.

**CỤC TRƯỞNG**

**Lê Ngọc Bảy**

## 1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 11 tháng năm 2023

	Đơn vị tính	Ước tính 11 tháng năm 2023	11 tháng năm 2023 so cùng kỳ năm 2022 (%)	
1	Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	103,67
2	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý	Triệu đồng	7.382.952	141,31
3	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Triệu đồng	105.850.889	111,78
4	Chỉ số giá tiêu dùng bình quân	%	-	101,65
5	Doanh thu hoạt động ngành vận tải	Triệu đồng	6.790.166	108,46
6	Tổng thu ngân sách nhà nước (Lũy kế đến ngày 20/11/2023)	Triệu đồng	13.544.673	99,33
7	Tổng chi ngân sách địa phương (Lũy kế đến ngày 20/11/2023)	Triệu đồng	15.221.490	131,00

## 2. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 11 năm 2023

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)</b>			
<b>Lúa</b>			
Lúa đông xuân	14.643	65	0,44
Lúa hè thu	-	-	-
Lúa thu đông	-	-	-
<b>Các loại cây khác</b>			
Ngô	16	6	37,50
Rau, đậu các loại	225	53	23,56
Cây màu khác	28	4	14,29

### 3. Chỉ số sản xuất công nghiệp

23

	%			
	Thực hiện tháng 10/2023 so cùng kỳ	Ước tính tháng 11/2023 so với tháng trước	Ước tính tháng 11/2023 so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 11/2023 so với cùng kỳ năm trước
<b>Toàn ngành công nghiệp</b>	<b>105,44</b>	<b>106,67</b>	<b>109,99</b>	<b>103,67</b>
<b>Khai khoáng</b>	-	-	-	-
Khai thác than cứng và than non	-	-	-	-
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	-	-	-	-
Khai thác quặng kim loại	-	-	-	-
Khai khoáng khác	-	-	-	-
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	-	-	-	-
<b>Công nghiệp chế biến, chế tạo</b>	<b>103,47</b>	<b>106,42</b>	<b>110,49</b>	<b>103,51</b>
Sản xuất chế biến thực phẩm	104,85	107,30	111,96	106,71
Sản xuất đồ uống	91,19	121,29	116,89	95,54
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	97,70	107,37	101,05	104,01
Dệt	83,27	108,55	111,98	89,35
Sản xuất trang phục	100,31	129,28	108,41	89,45
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	105,82	96,14	90,69	115,90
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	...	...	...	...
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	90,32	126,59	93,89	80,22
In, sao chép bản ghi các loại	140,55	94,93	100,01	117,36
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	...	...	...	...
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	83,11	98,18	76,41	94,78
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	118,14	101,65	130,96	89,79
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	86,95	105,99	90,30	95,97
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	101,63	100,35	102,61	102,46
Sản xuất kim loại	72,02	118,52	136,40	127,01
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	183,19	96,39	93,49	139,40
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	...	...	...	...
Sản xuất thiết bị điện	...	...	...	...
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	37,07	110,44	108,54	55,90
Sản xuất xe có động cơ	...	...	...	...
Sản xuất phương tiện vận tải khác	...	...	...	...
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	113,14	102,14	111,52	109,80
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	102,80	94,11	96,83	105,95
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	...	...	...	...
<b>Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí</b>	<b>114,76</b>	<b>107,78</b>	<b>108,91</b>	<b>104,44</b>
<b>Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải</b>	<b>96,11</b>	<b>104,99</b>	<b>101,76</b>	<b>101,96</b>
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	100,50	104,99	99,26	104,49
Thoát nước và xử lý nước thải	...	...	...	...
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	93,60	104,98	103,35	100,38
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	...	...	...	...

#### 4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 10/2023	Ước tính tháng 11/2023	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 11/2023	Tháng 11/2023 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối 11/2023 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tên sản phẩm</b>						
(Theo ngành sản phẩm mới)						
- Phi lê đông lạnh	Tấn	22.302	23.344	206.543	116,42	101,97
- Tôm đông lạnh	Tấn	2.881	3.031	28.239	116,34	83,31
- Xay xát gạo	Tấn	292.680	310.052	3.874.088	109,62	122,31
- Thức ăn gia súc	Tấn	37.806	38.450	390.790	123,54	114,58
- Thức ăn thủy sản	Tấn	64.234	76.448	801.890	111,55	104,12
- Bia đóng lon	1.000 Lít	3.106	3.840	32.295	100,00	83,49
- Nước ngọt (cocacola, 7 up, ...)	1.000 Lít	20.993	25.393	234.649	119,84	97,60
- Nước yến và nước bổ dưỡng khác	1.000 Lít	-	-	6.636	-	91,24
- Thuốc lá có đầu lọc	1.000 Bao	9.230	9.910	104.962	101,05	104,01
- Bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ nguyên liệu dệt khác	1.000 Cái	2.846	2.900	28.726	151,91	99,01
- Quần áo may sẵn	1.000 Cái	304	398	3.342	111,48	99,14
- Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	1000 chiếc	3.060	3.965	34.120	93,37	79,96
- Phân khoáng và phân hóa học NPK	Tấn	80	100	697	56,82	65,38
- Dược phẩm chứa hóc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên	Triệu viên	1.179	1.200	8.044	134,83	85,77
- Bao và túi (kể cả loại hình nan) từ plastic khác	Tấn	319	331	5.026	67,27	86,43
- Xi măng	1.000 Tấn	146	146	1.599	98,35	100,51
- Sắt thép	Tấn	6.562	7.778	109.541	136,40	127,01
- Đinh, đinh mũ, ghim dập	Tấn	758	731	8.669	93,49	139,40
- Điện thương phẩm	Triệu KWh	253	265	2.750	112,56	108,05
- Nước uống được	1.000 M3	4.305	4.520	49.698	99,26	104,49
- Rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế	Tấn	17.928	18.195	178.925	62,98	117,56



## 5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện tháng 10 năm 2023	Ước tính tháng 11 năm 2023	Ước tính 11 tháng năm 2023	Triệu đồng; %	
					So với cùng kỳ năm trước	
					Tháng 11 năm 2023	11 tháng năm 2023
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>8.531.503</b>	<b>763.779</b>	<b>787.594</b>	<b>7.382.952</b>	<b>84,63</b>	<b>141,31</b>
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh</b>	<b>6.424.840</b>	<b>598.127</b>	<b>616.517</b>	<b>5.460.432</b>	<b>75,14</b>	<b>150,66</b>
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	948.378	56.356	58.530	849.265	32,71	120,20
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	257.817	13.151	15.220	240.782	55,22	162,67
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	1.965.700	262.586	264.752	1.713.933	68,16	161,46
Vốn nước ngoài (ODA)	404.915	25.530	26.833	374.494	104,04	68,44
Xổ số kiến thiết	990.000	39.142	40.758	947.222	54,33	145,56
Vốn khác	2.115.847	214.513	225.644	1.575.518	148,19	239,29
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện</b>	<b>2.106.663</b>	<b>165.652</b>	<b>171.077</b>	<b>1.922.520</b>	<b>155,31</b>	<b>120,15</b>
Vốn cân đối ngân sách huyện	1.217.557	94.420	98.471	1.108.593	174,88	126,56
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	442.183	30.818	33.415	392.797	181,99	131,14
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	889.106	71.232	72.606	813.927	134,84	112,39
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	-	-	-	-	-	-
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-	-

## 6. Số dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép mới

*Dự án*

	Số dự án cấp phép mới tháng 10/2023	Số dự án cấp phép mới tháng 11/2023	Lũy kế số dự án cấp phép mới từ đầu năm đến tháng 11/2023
<b>TỔNG SỐ</b>	-	-	<b>3</b>
<b>Phân theo ngành kinh tế</b>			
Giáo dục đào tạo	-	-	1
Thông tin và truyền thông (Sản xuất phần mềm - công nghệ thông tin)	-	-	1
Vui chơi và giải trí	-	-	1
<b>Phân theo một số nước và vùng lãnh thổ</b>			
Singapore	-	-	1
Nhật Bản	-	-	2

## 7. Vốn đăng ký và vốn bổ sung của dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép mới

*Triệu USD*

	Số vốn tháng 10/2023	Số vốn tháng 11/2023	Lũy kế vốn từ đầu năm đến tháng 11/2023
<b>TỔNG SỐ</b>	-	-	<b>0,63</b>
<b>Phân theo ngành kinh tế</b>			
Giáo dục đào tạo	-	-	0,04
Thông tin và truyền thông (Sản xuất phần mềm - công nghệ thông tin)	-	-	0,11
Vui chơi và giải trí	-	-	0,48
<b>Phân theo một số nước và vùng lãnh thổ</b>			
Singapore	-	-	0,04
Nhật Bản	-	-	0,59

## 8. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>7.043.034</b>	<b>7.308.053</b>	<b>76.993.358</b>	<b>110,67</b>	<b>109,38</b>
Lương thực, thực phẩm	2.566.286	2.626.987	27.122.800	118,75	112,08
Hàng may mặc	189.164	204.987	2.354.167	93,90	105,33
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	728.270	764.551	7.845.389	105,77	107,90
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	132.165	139.970	1.440.038	103,54	111,68
Gỗ và vật liệu xây dựng	690.090	714.125	8.084.655	96,52	103,48
Ô tô các loại	473.688	491.456	6.882.047	81,43	105,79
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	319.395	331.068	4.143.918	77,36	104,48
Xăng, dầu các loại	706.344	720.844	7.938.845	109,48	102,06
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	69.446	70.615	903.154	92,12	111,20
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	364.763	382.637	3.607.528	113,79	92,94
Hàng hóa khác	443.673	469.367	3.015.788	293,28	184,48
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	359.749	391.445	3.655.027	125,47	121,55

## 9. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</b>	<b>1.225.071</b>	<b>1.332.357</b>	<b>13.995.269</b>	<b>122,30</b>	<b>131,07</b>
Dịch vụ lưu trú	177.357	215.283	1.858.159	186,54	172,00
Dịch vụ ăn uống	1.047.714	1.117.074	12.137.111	114,69	126,46
<b>Du lịch lữ hành</b>	<b>22.805</b>	<b>24.349</b>	<b>330.121</b>	<b>105,55</b>	<b>129,93</b>
<b>Dịch vụ khác</b>	<b>1.351.703</b>	<b>1.441.308</b>	<b>14.532.141</b>	<b>107,98</b>	<b>108,67</b>

## 10. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 11/2023 so với:				Bình quân cùng kỳ
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG</b>	<b>111,04</b>	<b>102,88</b>	<b>102,98</b>	<b>100,03</b>	<b>101,65</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	116,22	102,80	102,56	100,01	102,37
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	126,40	113,16	112,31	101,64	106,48
Thực phẩm	114,60	101,81	101,53	99,73	101,76
Ăn uống ngoài gia đình	115,31	100,97	100,97	100,00	101,99
Đồ uống và thuốc lá	109,24	103,04	103,03	100,30	102,08
May mặc, mũ nón và giày dép	105,30	102,53	102,03	100,01	102,14
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	109,07	101,93	101,54	100,07	101,01
Thiết bị và đồ dùng gia đình	109,80	102,37	101,86	100,00	102,58
Thuốc và dịch vụ y tế	105,05	104,45	104,48	100,00	101,65
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	105,90	105,38	105,38	100,00	101,81
Giao thông	112,68	101,88	105,47	100,11	95,56
Bưu chính viễn thông	95,66	98,14	98,14	99,82	98,68
Giáo dục	105,64	104,14	104,12	100,00	104,88
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	104,06	104,02	104,02	100,00	104,84
Văn hóa, giải trí và du lịch	102,16	105,18	105,37	99,88	103,21
Hàng hóa và dịch vụ khác	120,51	111,42	111,36	100,15	106,83
<b>CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>	<b>152,46</b>	<b>111,06</b>	<b>110,17</b>	<b>103,65</b>	<b>104,44</b>
<b>CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ</b>	<b>105,59</b>	<b>98,86</b>	<b>101,60</b>	<b>100,04</b>	<b>102,14</b>

## 11. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

	<i>Triệu đồng</i>				
	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>611.320,51</b>	<b>6.790.166,41</b>	<b>102,65</b>	<b>105,07</b>	<b>108,46</b>
<b>Vận tải hành khách</b>	<b>127.818,57</b>	<b>1.451.962,53</b>	<b>100,74</b>	<b>103,61</b>	<b>113,33</b>
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	83,65	82.861,61	5,85	33,88	451,81
Đường thủy nội địa	5.780,79	64.742,44	96,82	107,66	110,85
Đường bộ	121.954,13	1.304.358,48	102,07	103,57	108,30
Hàng không	-	-	-	-	-
<b>Vận tải hàng hóa</b>	<b>313.917,52</b>	<b>3.527.626,60</b>	<b>105,02</b>	<b>102,40</b>	<b>106,51</b>
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	5.438,00	59.208,92	89,28	122,17	116,80
Đường thủy nội địa	106.085,57	1.075.375,48	102,50	113,13	105,95
Đường bộ	202.393,95	2.393.042,20	106,91	97,15	106,53
Hàng không	-	-	-	-	-
<b>Kho bãi, DV hỗ trợ vận tải</b>	<b>134.162,03</b>	<b>1.442.475,55</b>	<b>99,25</b>	<b>113,27</b>	<b>109,20</b>
<b>Bưu chính, chuyển phát</b>	<b>35.422,39</b>	<b>368.101,73</b>	<b>102,36</b>	<b>105,82</b>	<b>106,31</b>

## 12. Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A. HÀNH KHÁCH</b>					
<b>I. Vận chuyển (Nghìn HK)</b>	<b>1.447,36</b>	<b>16.068,01</b>	<b>96,70</b>	<b>105,07</b>	<b>110,41</b>
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	0,25	116,57	13,33	18,78	312,37
Đường thủy nội địa	702,76	7.890,59	95,61	107,68	111,15
Đường bộ	744,36	8.060,85	97,95	102,88	108,69
Hàng không	-	-	-	-	-
<b>II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)</b>	<b>121.644,55</b>	<b>1.380.477,48</b>	<b>84,00</b>	<b>103,36</b>	<b>111,16</b>
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	42,99	21.448,63	13,11	17,94	319,65
Đường thủy nội địa	16.596,48	188.440,41	97,33	107,00	111,69
Đường bộ	105.005,08	1.170.588,44	82,40	103,00	109,76
Hàng không	-	-	-	-	-
<b>B. HÀNG HÓA</b>					
<b>I. Vận chuyển (Nghìn tấn)</b>	<b>1.590,66</b>	<b>15.012,98</b>	<b>100,49</b>	<b>104,23</b>	<b>107,39</b>
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	7,49	130,09	53,78	125,59	191,56
Đường thủy nội địa	836,33	8.785,67	101,79	111,29	104,31
Đường bộ	746,84	6.097,22	99,93	97,17	111,07
Hàng không	-	-	-	-	-
<b>II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)</b>	<b>306.342,04</b>	<b>3.202.905,10</b>	<b>100,15</b>	<b>107,17</b>	<b>110,05</b>
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	6.070,37	105.874,31	53,72	123,61	189,29
Đường thủy nội địa	200.386,71	1.973.492,00	103,17	113,60	106,70
Đường bộ	99.884,97	1.123.538,79	99,53	95,56	111,81
Hàng không	-	-	-	-	-

### 13. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

	<i>Triệu đồng</i>				
	TH 10 tháng năm 2023	TH 20 ngày tháng 11 năm 2023	Lũy kế TH đến 20 ngày tháng 11 năm 2023	Lũy kế TH so với dự toán HĐND TP năm 2023 (%)	Lũy kế TH so với cùng kỳ (%)
<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>12.077.341</b>	<b>1.467.332</b>	<b>13.544.673</b>	<b>74,01</b>	<b>99,33</b>
<b>A. Thu NSNN theo dự toán được giao (I+II)</b>	<b>8.852.352</b>	<b>581.852</b>	<b>9.434.204</b>	<b>85,46</b>	<b>91,77</b>
<b>I. Thu nội địa</b>	<b>8.493.446</b>	<b>559.235</b>	<b>9.052.681</b>	<b>84,12</b>	<b>90,53</b>
1. Thu từ DNNN	923.995	34.424	958.419	63,47	66,59
2. Thu từ DN có vốn ĐTNN	879.077	79.164	958.241	85,18	112,14
3. Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài NN	2.019.728	133.213	2.152.941	99,40	104,83
4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	333	-	333	-	5.550,00
5. Thuế thu nhập cá nhân	1.056.278	59.956	1.116.234	112,75	92,74
6. Lệ phí trước bạ	348.756	20.560	369.316	73,86	77,07
7. Thuế bảo vệ môi trường	509.863	57.615	567.478	38,19	44,81
8. Thu phí, lệ phí	174.474	8.104	182.578	98,69	103,43
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	37.409	578	37.987	126,62	102,48
10. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	161.015	8.232	169.247	96,71	92,65
11. Tiền sử dụng đất	507.500	37.012	544.512	77,79	101,77
12. Thu tiền bán nhà, KH, thuê nhà thuộc SHNN	7.224	-	7.224	14,45	103,80
13. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	7.331	165	7.496	93,70	102,77
14. Thu khác ngân sách	313.037	17.829	330.866	189,07	140,90
15. Thu cổ tức, lợi nhuận	14.848	0	14.848	123,73	114,93
16. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	1.532.577	102.384	1.634.961	99,09	108,31
<b>II. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>	<b>358.906</b>	<b>22.617</b>	<b>381.523</b>	<b>137,73</b>	<b>135,72</b>
<b>B. Thu vay để bù đắp bội chi theo hạn mức được duyệt</b>	<b>383.316</b>	<b>26.607</b>	<b>409.923</b>	<b>30,84</b>	<b>162,01</b>
<b>C. Các khoản huy động, đóng góp</b>	<b>3.480</b>	<b>-</b>	<b>3.480</b>	<b>-</b>	<b>30,04</b>
<b>D. Thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW</b>	<b>2.623.224</b>	<b>858.498</b>	<b>3.481.722</b>	<b>87,73</b>	<b>112,94</b>
<b>E. Thu hoàn trả các cấp ngân sách</b>	<b>213.969</b>	<b>375</b>	<b>214.344</b>	<b>-</b>	<b>2.760,03</b>
<b>F. Thu hỗ trợ từ địa phương khác</b>	<b>1.000</b>	<b>-</b>	<b>1.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## 14. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

Triệu đồng

	TH 10 tháng năm 2023	TH 20 ngày tháng 11 năm 2023	Lũy kế TH đến 20 ngày tháng 11 năm 2023	Lũy kế TH so với dự toán HĐND TP năm 2023 (%)	Lũy kế TH so với cùng kỳ (%)
<b>Tổng chi ngân sách địa phương</b>	<b>14.422.582</b>	<b>2.305.604</b>	<b>15.221.490</b>	<b>75,82</b>	<b>131,00</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>9.080.369</b>	<b>1.876.745</b>	<b>9.450.418</b>	<b>78,78</b>	<b>151,21</b>
<b>II. Chi thường xuyên</b>	<b>5.043.853</b>	<b>428.483</b>	<b>5.472.337</b>	<b>76,53</b>	<b>103,06</b>
<b>Trong đó:</b>					
- Chi quốc phòng và an ninh:	195.426	20.474	215.900	99,10	104,98
+ Quốc phòng	158.993	18.317	177.310	103,34	114,69
+ An Ninh	36.433	2.157	38.590	83,37	75,57
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	2.053.701	182.583	2.236.284	85,19	116,42
- Sự nghiệp y tế	354.075	17.658	371.733	88,55	113,87
- Chi đảm bảo xã hội	421.783	32.239	454.022	106,30	99,84
- Chi quản lý hành chính	635.941	45.777	681.718	81,26	102,19
- Chi khác ngân sách	98.263	8.365	106.628	15,42	48,26
- Chi ngân sách xã	547.279	46.173	593.452	96,28	77,12
<b>III. Dự phòng ngân sách</b>	<b>1.380</b>	<b>-</b>	<b>1.380</b>	<b>100</b>	<b>-</b>
<b>IV. Chi trả nợ lãi</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Chi trả nợ gốc</b>	<b>32.967</b>	<b>-</b>	<b>32.967</b>	<b>53,69</b>	<b>275,53</b>
<b>VI. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên</b>	<b>50.043</b>	<b>-</b>	<b>50.043</b>	<b>14,83</b>	<b>125,83</b>



## 15. Trật tự, an toàn xã hội

	Sơ bộ kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tai nạn giao thông</b>					
<b>Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)</b>	<b>8</b>	<b>74</b>	<b>80,00</b>	<b>80,00</b>	<b>100,00</b>
Đường bộ	8	70	80,00	80,00	95,89
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	4	-	-	400,00
<b>Số người chết (Người)</b>	<b>5</b>	<b>71</b>	<b>50,00</b>	<b>62,50</b>	<b>104,41</b>
Đường bộ	5	67	50,00	62,50	100,00
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	4	-	-	400,00
<b>Số người bị thương (Người)</b>	<b>3</b>	<b>6</b>	<b>300</b>	<b>60</b>	<b>35,29</b>
Đường bộ	3	6	300	60	35,29
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Cháy, nổ</b>					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	1	8	100	33,333333	61,54
Số người chết (Người)	0	1	-	-	100,00
Số người bị thương (Người)	0	1	-	-	
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	0	2.247	-	-	143,95

(Từ ngày 15/10/2023 đến ngày 14/11/2023)